

Số: 30 /2014/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 05 tháng 12 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

SỞ TƯ PHÁP THÁI BÌNH
ĐẾN số: 2488
Ngày: 29/12/2014
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

Phê duyệt dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2014 và phân bổ dự toán ngân sách năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 93/BC-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Thái Bình năm 2015 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 3.319.000 triệu đồng.  
Trong đó:
  - Thu nội địa: 3.069.000 triệu đồng.
  - Thu thuế xuất, nhập khẩu: 250.000 triệu đồng.
2. Tổng thu ngân sách địa phương (không kể ghi thu, ghi chi): 8.354.979 triệu đồng. Trong đó:
  - Thu nội địa được cân đối: 3.055.050 triệu đồng.
  - Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 5.299.929 triệu đồng.
3. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 8.354.979 triệu đồng.
  - a. Phân bổ chi ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách:
    - Chi ngân sách cấp tỉnh: 3.544.552 triệu đồng.
    - Chi ngân sách cấp huyện: 3.139.986 triệu đồng.
    - Chi ngân sách cấp xã: 1.670.441 triệu đồng.
  - b. Phân bổ chi ngân sách địa phương cho các lĩnh vực :

- Chi phát triển kinh tế:	2.873.841 triệu đồng.
+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	2.026.900 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường :	202.906 triệu đồng.
+ Chi trợ giá:	10.000 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	629.035 triệu đồng.
+ Chi quy hoạch:	5.000 triệu đồng.
- Chi tiêu dùng thường xuyên:	5.185.277 triệu đồng.
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	1.450 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách:	201.580 triệu đồng.
- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia:	92.830 triệu đồng.
c. Phân bổ ngân sách cấp tỉnh:	3.544.552 triệu đồng.
- Chi phát triển kinh tế:	1.849.762 triệu đồng.
+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	1.448.400 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường :	77.515 triệu đồng.
+ Chi trợ giá:	10.000 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	308.847 triệu đồng.
+ Chi quy hoạch:	5.000 triệu đồng.
- Chi tiêu dùng thường xuyên:	1.438.684 triệu đồng.
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	1.450 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách:	161.826 triệu đồng.
- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia:	92.830 triệu đồng.

Phân bổ dự toán chi cho các ngành, địa phương và các đơn vị thụ hưởng ngân sách (có phụ lục kèm theo).

Ngân sách các cấp bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2015 theo quy định của Bộ Tài chính; thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách trước khi giao dự toán cho cơ quan, đơn vị địa phương để tạo nguồn xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án huy động nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2012-2015.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình điều hành nếu phát sinh những vấn đề ngoài dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và các nguồn vốn bổ sung chưa được phân bổ chi tiết cho từng danh mục dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh thông nhất với

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề phân bổ và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XV, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; TT.HĐND, UBND các huyện, T.phố;
- Lưu: VTVP.

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Hồng Diên*  
**Nguyễn Hồng Diên**

# HĐND TỈNH THÁI BÌNH

## PHÂN BỐ KINH PHÍ CÁC ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 30 /2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND tỉnh khóa XV)

Đơn vị tính : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NS NĂM 2015	GHI CHÚ
A	B	1	2
<b>1</b>	<b>Ngành nông nghiệp</b>	<b>62.821.947</b>	
1	Giáo dục đào tạo	5.381.000	
2	Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	6.627.123	
3	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	19.933.355	
4	Sự nghiệp Văn phòng sở	1.500.000	
5	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	26.180.469	
6	KP bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên	200.000	
7	Mục tiêu bố trí dân cư, sắp xếp dân theo QĐ 193/QĐ-TTg	3.000.000	(Chi tiết phụ lục số 01 đính kèm)
<b>2</b>	<b>Văn phòng điều phối chương trình cấp tỉnh</b>	<b>1.000.000</b>	
<b>3</b>	<b>Vốn khuyến nông, khuyến ngư</b>	<b>8.500.000</b>	(Chi tiết phụ lục số 02 đính kèm)
<b>4</b>	<b>Khuyến khích đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi DN</b>	<b>23.200.000</b>	
	<i>Tr đó : Hỗ trợ và ưu đãi DN</i>	20.000.000	
	<i>Vốn xúc tiến đầu tư</i>	3.200.000	(Chi tiết phụ lục số 13 đính kèm)
<b>5</b>	<b>Ngành giao thông vận tải</b>	<b>38.462.813</b>	
1	Giáo dục đào tạo	920.000	
2	Sở giao thông vận tải	4.330.426	
3	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	2.826.575	
4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	385.812	
5	SN duy tu	30.000.000	(Chi tiết phụ lục số 04 đính kèm)
<b>6</b>	<b>Ngành công thương</b>	<b>23.359.335</b>	
	Sở Công thương (KP sản giao dịch TM điện tử 230 triệu)	6.469.627	
1	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	9.200.374	
	Chi cục quản lý thị trường	9.200.374	
3	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	2.189.334	
4	Khuyến công, khuyến thương, HT làng nghề, hội	5.500.000	(Chi tiết phụ lục số 03 đính kèm)
<b>7</b>	<b>Ngành xây dựng</b>	<b>8.404.524</b>	
1	Giáo dục đào tạo	2.614.000	
2	Sở xây dựng	4.641.767	
	(có BCD xây dựng nhà ở cho SV; các BCD khác...)	180.000	
3	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1.148.757	
<b>8</b>	<b>Ngành Tài nguyên môi trường</b>	<b>84.382.737</b>	
1	Sở TN và MT	4.965.712	
2	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	1.902.196	
3	SN Tài nguyên, đo đạc và kiểm kê đất đai	23.500.000	



1/2

A	B	1	2
	<i>Trong đó :</i>		
	- Sự nghiệp tài nguyên, đo đạc và kiểm kê đất đai	22.000.000	(Chi tiết phụ lục số 05 đính kèm)
	- MT hoàn thiện hồ sơ địa chính theo QĐ 513/QĐ-TTg (Mục tiêu NSTW)	1.500.000	
4	KP hỗ trợ XL rác thải bằng công nghệ lò đốt, HT lò đốt rác và SNMT khác	46.654.000	(Chi tiết phụ lục số 06 đính kèm)
5	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	7.360.829	
9	<b>Ngành khoa học và công nghệ</b>	<b>30.828.069</b>	
1	Sở khoa học và CN	3.587.602	
2	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	2.355.525	
3	Vốn KHCN	22.665.000	(Chi tiết phụ lục số 07 đính kèm)
4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	2.219.942	
10	<b>Ngành giáo dục</b>	<b>277.112.076</b>	
1	Sở giáo dục & Đào tạo	7.632.590	
2	SN văn phòng sở (Tr đó : KP khen thưởng học sinh giỏi quốc gia và HS trúng tuyển ĐH 600 triệu)	2.800.000	
3	KP thực hiện DA đối với TE mầm non (Văn bản số 4290/BGDĐT-KHTC)	1.428.000	
4	Các đơn vị trực thuộc	260.251.486	
5	Hỗ trợ thi, MT giáo dục cấp tỉnh	5.000.000	(Chi tiết phụ lục số 08 đính kèm)
11	<b>Khôi đào tạo</b>	<b>126.243.468</b>	
1	Trường Đại học Thái bình	24.368.000	
2	Trường chính trị tỉnh	9.167.000	
3	Trường CĐ văn hoá nghệ thuật	6.230.000	
4	Trường Cao đẳng y tế	7.336.000	
5	Trường Cao đẳng sư phạm	31.565.000	
6	Công an tỉnh	3.636.000	
7	Bộ Chỉ huy quân sự	7.355.468	
8	Trường Cao đẳng nghề	4.018.000	
9	Hỗ trợ HTX, tổ hợp tác	525.000	(Chi tiết phụ lục số 09 đính kèm)
10	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn, QH cán bộ lãnh đạo các cấp, CQ tham mưu cấp ủy (Tỉnh ủy)	1.000.000	
11	Đào tạo trên đại học	5.000.000	
12	Đào tạo nghề, khác theo cơ chế của tỉnh	26.043.000	
12	<b>Ngành y tế- dân số KHH gia đình</b>	<b>244.149.226</b>	
1	Sở Y tế	5.500.465	
2	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	4.662.594	
3	SN văn phòng sở	950.000	
4	Chương trình MT địa phương	3.000.000	(Chi tiết phụ lục số 10 đính kèm)
5	Các đơn vị sự nghiệp	230.036.167	
13	<b>KP hỗ trợ phí điều trị METHADONE</b>	<b>3.240.000</b>	
14	<b>BHYT trẻ em dưới 6 tuổi</b>	<b>61.835.000</b>	
15	<b>Hỗ trợ thêm BHYT cho người cận nghèo</b>	<b>8.500.000</b>	
16	<b>BHYT người nghèo</b>	<b>68.226.000</b>	
17	<b>Ngành lao động TBXH</b>	<b>59.111.812</b>	
1	Giáo dục đào tạo	7.442.000	
2	Sở Lao động TB & XH	6.953.094	

A	B	1	2
3	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	854.355	
4	SN văn phòng sở (Tr đó : KP phòng chống tai nạn thương tích TE 100 triệu)	1.793.232	
5	Ban công tác người cao tuổi	150.000	
6	Các đơn vị sự nghiệp	36.050.331	
7	KP các mục tiêu NSTW và NSDP	3.337.000	
	Chương trình quốc gia về Bảo vệ TE (vốn đối ứng NSDP là 200 triệu đồng)	1.217.000	
	Hỗ trợ "Ngôi nhà nhỏ" theo Q Đ 65/2005/TTg (vốn NSDP)	500.000	
	Phẫu thuật tim bẩm sinh cho trẻ em	500.000	
	Chương trình PC tệ nạn mại dâm (vốn NSDP đối ứng 150 triệu)	350.000	
	Đề án trợ giúp XH, PHCN cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí	110.000	
	Đề án nghề phát triển công tác xã hội	430.000	
	Chương trình QG bình đẳng giới	230.000	
8	KP tặng quà các cụ cao tuổi TT 21/TT-BTC	2.531.800	
<b>18</b>	<b>Chương trình giảm nghèo địa phương</b>	<b>600.000</b>	
<b>19</b>	<b>Ngành VH TT và DL</b>	<b>59.660.895</b>	
1	Giáo dục đào tạo	7.329.530	
2	Sở Văn hóa, Thể thao & DL	5.753.238	
3	SN văn phòng sở	2.780.497	
4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	38.997.630	
5	MT hỗ trợ di tích lịch sử văn hóa	4.800.000	(Chi tiết phụ lục số 11 đính kèm)
<b>20</b>	<b>MT hỗ trợ sáng tạo TP nghệ thuật (Tr đó VHNT 540 triệu, Hội nhà báo 95 triệu)</b>	<b>635.000</b>	
<b>21</b>	<b>SN văn hóa khác</b>	<b>500.000</b>	
<b>22</b>	<b>SN phát thanh truyền hình tỉnh</b>	<b>15.664.914</b>	
1	Đài phát thanh truyền hình tỉnh	15.664.914	
	Trong đó : Mục tiêu trang thiết bị Đài PTTH tỉnh	8.000.000	
<b>23</b>	<b>Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Tr đó : KP phục vụ ĐH Đảng các cấp 1 tỷ đồng)</b>	<b>28.958.000</b>	
<b>24</b>	<b>Biên phòng tỉnh (Tr đó : KP đại hội đảng và bảo vệ chủ quyền biển đảo 1 tỷ đồng).</b>	<b>5.900.000</b>	
<b>25</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>15.000.000</b>	
	Tr đó : chi hỗ trợ PCMT 600 triệu; ĐA biên 1.000 triệu; HTCT giám định tư pháp 1.000 triệu; HT PCCC 2.000 triệu; HT phòng chống khủng bố 500 tr; ANTT đại hội đảng 1.500 triệu; QĐ 2524/QĐ-UBND 1.500 triệu)	8.100.000	
<b>26</b>	<b>Văn phòng Ủy ban ND tỉnh</b>	<b>16.454.511</b>	
<b>27</b>	<b>Văn phòng HĐND tỉnh</b>	<b>8.870.654</b>	
	Tr đó : - KP hoạt động của HĐND	4.700.000	
<b>28</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>6.144.985</b>	
<b>29</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>24.098.469</b>	
1	Giáo dục đào tạo (KP đào tạo lại * )	6.000.000	(Chi tiết phụ lục số 15 đính kèm)
2	Sở Nội vụ	5.645.799	

A	B	1	2
	(Có BCD CCHCNN, BCD khác)	100.000	
3	Quản lý hành chính (Đơn vị trực thuộc)	11.948.028	
	Tr đó : Quỹ thi đua khen thưởng	7.000.000	
4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	504.642	
<b>30</b>	<b>Ngành tư pháp</b>	<b>9.761.330</b>	
1	Sở tư pháp	5.529.680	
	(KP tuyên truyền PL; Công tác bồi thường nhà nước; XD, thẩm định, BH, KT, rà soát hệ thống hóa các VB QPPL; in hệ thống hóa VBQPPL...)	1.419.000	
2	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	3.231.650	
3	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	1.000.000	(Chi tiết phụ lục số 16 đính kèm)
<b>31</b>	<b>Sở Thông tin truyền thông</b>	<b>5.638.244</b>	
1	Sở Thông tin truyền thông	3.250.535	
	SN thông tin và truyền thông (Tr đó : KP duy trì mạng điện tử liên thông 325 triệu)	1.575.000	
3	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	812.709	
<b>32</b>	<b>Sở kế hoạch và đầu tư</b>	<b>6.512.833</b>	
1	Sở kế hoạch và đầu tư	5.260.924	
	(Có BCD CTMT, BCD khác)	150.000	
2	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	581.909	
3	KP giám sát và đánh giá đầu tư	670.000	(Chi tiết phụ lục số 12 đính kèm)
<b>33</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>11.291.474</b>	
1	Sở Tài chính	8.952.518	
2	SN Tài chính	700.000	
3	KP đánh giá TSCĐ và thanh tra giá	1.200.000	
4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc	438.956	
<b>34</b>	<b>Ban quản lý các khu CN</b>	<b>3.088.826</b>	
1	Ban quản lý các khu CN	3.088.826	
<b>35</b>	<b>KP thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo QĐ 746/QĐ-UBND tỉnh</b>	<b>1.000.000</b>	
<b>36</b>	<b>KP thực hiện ĐA liên thông các thủ tục HC về đăng ký khai sinh, thường trú và cấp thẻ BHYT trẻ em dưới 6 tuổi</b>	<b>300.000</b>	
<b>37</b>	<b>KP triển khai phần mềm QLTS công</b>	<b>5.518.000</b>	
<b>38</b>	<b>Chi quản lý HCNN khác</b>	<b>1.100.000</b>	
<b>39</b>	<b>Các ban của Đảng (VP Tỉnh ủy)</b>	<b>65.757.615</b>	
<b>40</b>	<b>KP chính sách đảng, đối tượng LTCM (của Tỉnh ủy)</b>	<b>28.000.000</b>	
<b>41</b>	<b>Tỉnh đoàn thanh niên</b>	<b>8.427.336</b>	
1	Giáo dục đào tạo	750.000	
2	VP Tỉnh đoàn thanh niên	3.590.063	
3	Đơn vị trực thuộc	4.087.273	
<b>42</b>	<b>UB Mặt trận tổ quốc (có KP lấy phiếu tín nhiệm; BCD cuộc vận động người VN dùng hàng VN; tuyên truyền, tập huấn chức sắc Tôn giáo...)</b>	<b>4.917.896</b>	
<b>43</b>	<b>Hội nông dân</b>	<b>2.912.061</b>	
<b>44</b>	<b>Hội phụ nữ</b>	<b>3.978.372</b>	

BT

A	B	1	2
45	Hội cựu chiến binh	2.030.615	
*	Các hội và XH nghề nghiệp và HT khác	18.079.349	
46	Liên minh HTX và DNNQD	2.551.649	
47	Tình hội đồng y	629.842	
48	Hội chữ thập đỏ	2.182.457	
	<i>Tr. đó: Hoạt động của BCD Hiến máu tình nguyện 650 triệu đồng</i>	650.000	
49	Hội nhà báo ( <i>Tr đó : KP đại hội 200 triệu</i> )	939.853	
50	Liên hiệp các hội KHKT ( <i>Tr đó : KP Hội nghị đại biểu trí thức và Hội thi sáng tạo TTN nhi đồng 140 triệu</i> )	1.402.828	
51	Hội luật gia	493.516	
52	Hội văn học nghệ thuật	1.514.294	
53	Hội làm vườn	541.831	
54	Hội người mù ( <i>KP đào tạo bồi dưỡng 200 triệu đồng</i> )	1.228.439	
55	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi ( <i>Tr đó: KP đào tạo bồi dưỡng 100 triệu, KP biểu dương người khuyết tật</i> )	972.640	
56	Câu lạc bộ Lê Quý Đôn	300.000	
57	Hội cựu thanh niên XP ( <i>Tr đó : HT tổ chức các ngày lễ kỷ niệm trong năm là 100 triệu</i> )	557.000	
58	Hội nạn nhân DIOXIN (có KP tập huấn và KN thành lập Hội 100 triệu )	557.000	
59	Ban đại diện hội người cao tuổi tỉnh ( <i>Tr đó : báo người cao tuổi 277 triệu; HT kiểm tra giám sát Luật người cao tuổi và HT khác 60 triệu</i> )	485.000	
60	Hội khuyến học ( <i>có BCD xã hội học tập</i> )	593.000	
61	HT Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	250.000	
62	HT Tòa án nhân dân tỉnh	200.000	
63	Hỗ trợ hội và BCD khác	2.480.000	
64	SN khuyến học (HT thực hiện ĐA xã hội học tập theo QĐ1390/QĐ-UBND của tỉnh và Mô hình thí điểm thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg và KH 90/KH-BCĐ của BCD xây dựng XHHT )	200.000	
65	<b>KP các mục tiêu và chi khác ngân sách tỉnh</b>	<b>350.069.000</b>	
1	PC dịch bệnh NN, HT giống, thuốc trừ cỏ, khác	25.000.000	
2	Quỹ ủy thác ngân hàng chính sách ( <i>Thu hồi quỹ dự trữ</i> )	4.000.000	
3	Vốn quỹ hỗ trợ nông dân theo QĐ 673/QĐ-TTG	1.000.000	
4	KP SN thực hiện đề án 06 ( <i>Tinh úy</i> )	320.000	
5	KPSN hỗ trợ đối ứng vốn ODA	8.000.000	(Chi tiết phụ lục số 14 đính kèm)
6	KP hỗ trợ doanh nghiệp miễn giảm thù lợi phí	125.390.000	
7	Chi trợ giá	10.000.000	
8	Chi quy hoạch	5.000.000	
9	Kinh phí miễn giảm học phí theo ND 49/CP	37.610.000	
10	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trẻ em 5 tuổi	10.150.000	



A	B	1	2
11	KP thực hiện Quyết định 60/TTG và chế độ chính sách giáo dục khác	20.021.000	
12	BHYT cho đối tượng thu hồi đất theo QĐ 11/QĐ-UBND của UBND tỉnh, BHTN	6.317.000	
13	Hỗ trợ và bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định 42/CP	32.527.000	
14	KP Đại hội Đảng các cấp	10.000.000	
15	KP trích lập quỹ phòng chống tội phạm	1.500.000	
16	KP mục tiêu phòng chống ma túy	3.000.000	
17	Trang phục công an xã	4.690.000	
18	Kinh phí vốn dự bị động viên	13.000.000	
19	Trang phục dân quân tự vệ	16.240.000	
20	Kinh phí hỗ trợ dự án, thiết bị tin học (TABMIS)	2.000.000	
21	KP Hỗ trợ trang thiết bị trụ sở liên cơ	7.000.000	
22	Kinh phí hỗ trợ bảo hộ an toàn vệ sinh lao động	254.000	
23	KP chi an toàn giao thông	3.600.000	
24	Kinh phí chi hỗ trợ khác	2.000.000	
25	Kinh phí bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

156

HĐND TỈNH THÁI BÌNH

DỰ TOÁN

BỔ SUNG NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 30 /2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND tỉnh khóa XV)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Thu NSNN trên địa bàn		Tổng chi ngân sách huyện, thành phố	Tổng mức bổ sung ngân sách huyện, thành phố	Trong đó	
		Tổng số	Ngân sách cấp huyện, cấp xã được hưởng			Bổ sung ngân sách huyện, thành phố	Bổ sung ngân sách xã, phường, thị trấn
1	Hung Hà	181.339	166.879	662.589	495.710	326.299	169.411
2	Đông Hưng	144.825	134.006	609.850	475.844	300.325	175.519
3	Quỳnh Phụ	107.485	101.333	558.600	457.267	309.304	147.963
4	Thái Thụy	226.955	217.707	690.246	472.539	293.475	179.064
5	Tiền Hải	118.770	110.420	515.622	405.202	266.170	139.088
6	Kiến Xương	153.215	133.255	627.769	494.514	327.880	166.632
7	Vũ Thư	64.902	60.463	476.846	416.383	292.520	123.863
8	Thành Phố	1.307.109	517.826	595.853	328		328
9	Mục tiêu TCCSVC giáo dục mầm non			60.000	60.000	60.000	
10	KP tăng lương giáo dục cấp huyện			25.000	25.000	25.000	
11	Quà tân binh nhập ngũ, bộ đội xuất ngũ			6.800	6.800	6.800	
12	Hỗ trợ MMTB nông nghiệp, nông thôn			20.000	20.000	20.000	
13	Giành nguồn KP tuyển dụng CBCC xã còn thiếu theo NĐ 92/CP			6.425	6.425		6.425
14	HT tổ chức, hộ gia đình, cá nhân SX lúa theo điều 11-NĐ 42/CP			32.527	32.527	32.527	
15	Ngân sách thành phố bổ sung cho ngân sách xã, phường				77.699		77.699
	Tr.đó: Bổ sung có mục tiêu cho NS xã, phường				570		570
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.304.600</b>	<b>1.441.889</b>	<b>4.888.127</b>	<b>3.446.238</b>	<b>2.260.299</b>	<b>1.185.938</b>

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

**HỘI ĐỒNG TỈNH THÁI BÌNH****PHÂN BỐ KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT GIÁO DỤC NĂM 2015***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 30 /2014/NQ-HĐND ngày 05 /12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV)**Đơn vị: Triệu đồng*

Số TT	Đơn vị	Số phòng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>265</b>	<b>60.000</b>
<b>A</b>	<b>GIÁO DỤC MẦM NON</b>	<b>265</b>	<b>53.000</b>
<b>I</b>	<b>ĐÔNG HÙNG (4)</b>	<b>34</b>	<b>6.800</b>
1	Hồng Việt	10	2.000
2	Lô Giang	10	2.000
3	Đông La	10	2.000
4	Đông Các	4	800
<b>II</b>	<b>TIỀN HẢI (5)</b>	<b>32</b>	<b>6.400</b>
1	Tây Phong	4	800
2	Đông Hải	8	1.600
3	Đông Long	4	800
4	Tây Tiên	4	800
5	Nam Hà	12	2.400
<b>III</b>	<b>VŨ THỤ (4)</b>	<b>34</b>	<b>6.800</b>
1	Việt Hùng	11	2.200
2	Song Lãng	8	1.600
3	Tân Lập	8	1.600
4	Vũ Vinh	7	1.400
<b>IV</b>	<b>KIẾN XƯƠNG (5)</b>	<b>34</b>	<b>6.800</b>
1	Vũ Thắng	9	1.800
2	An Bình	6	1.200
3	Quang Bình	8	1.600
4	Vũ Hòa	6	1.200
5	Lê Lợi	5	1.000
<b>V</b>	<b>HÙNG HÀ (4)</b>	<b>35</b>	<b>7.000</b>
1	Đoan Hùng	9	1.800
2	Chi Lăng	9	1.800
3	Duyên Hải	9	1.800
4	Nguyễn Tông Quai ( xã Hòa Tiến)	8	1.600
<b>VI</b>	<b>THÁI THỤY (4)</b>	<b>34</b>	<b>6.800</b>
1	Thụy Việt	9	1.800
2	Thụy Xuân	8	1.600
3	Thụy Dương	9	1.800
4	Thái Thọ	8	1.600
<b>VII</b>	<b>QUỲNH PHỤ (5)</b>	<b>46</b>	<b>9.200</b>
1	Quỳnh Hội	9	1.800
2	An Vinh	9	1.800
3	Quỳnh Sơn	9	1.800
4	An Vũ	9	1.800
5	An Thái	10	2.000
<b>VIII</b>	<b>THÀNH PHỐ (2)</b>	<b>16</b>	<b>3.200</b>
1	Sơn Ca	6	1.200
2	Hoa Sen	10	2.000
<b>B</b>	<b>CẤP TIỂU HỌC</b>		<b>7.000</b>
1	Hỗ trợ trường Tiểu học Trà Giang, huyện Kiến Xương		3.000
2	Hỗ trợ trường Tiểu học Vũ Trung, Kiến Xương		2.000
3	Hỗ trợ trường Tiểu học Lê Hồng Phong, Thành Phố		2.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

258

**HĐND TỈNH THÁI BÌNH**

**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỬA CHỮA LỚN NĂM 2015**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 30 /2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Nội dung công việc được bố trí kinh phí	Số tiền
1	2	3	4
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.000</b>
A/	<b>SỬA CHỮA NHÀ CỬA - VẬT KIẾN TRÚC</b>		<b>8.150</b>
I	<b>Cơ quan QLNN</b>		<b>2.870</b>
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	Sửa chữa cải tạo trụ sở làm việc	150
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư		100
		<i>Cải tạo công, dậu, tường bao cơ quan Sở</i>	
		<i>Nhà vệ sinh cơ quan (toà nhà chính 5 tầng - thay thế mới thiết bị vệ sinh)</i>	
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sơn sửa hệ thống công và tường rào sắt	100
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sửa nhà vệ sinh 3 tầng; Cải tạo Trung tâm khảo thí: ngăn phòng, vòi ve.	150
5	Sở Xây Dựng	Sơn toàn bộ hệ thống cửa sổ nhà 3 tầng, sản xuất lắp dựng hoa sắt bảo vệ tầng 2 và 3, lắp dựng hệ thống thu lôi chống sét	200
6	Sở Thông tin và truyền thông	Thanh toán tồn tại di chuyển trạm biến áp	120
7	Sở Tài nguyên và Môi trường		200
		<i>Bảo dưỡng cầu thang thoát hiểm và các cửa thoát hiểm nhà làm việc 9 tầng</i>	50
		<i>Sửa chữa, chống thấm mái nhà làm việc 9 tầng</i>	150
8	Văn phòng Sở Giao thông vận tải	Sửa chữa hệ thống cửa sổ và tường dậu	100
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Xây công và tường dậu	350
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Thanh toán tồn tại năm 2014 và sơn hệ thống công và tường dậu	150
11	Sở Y tế	cải tạo phòng làm việc ( khu nhà 3 tầng ) phòng 1 cửa	100
12	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	Quét vôi, sửa hệ thống cửa, ốp tường, hệ thống điện, cấp nước	200
13	Đảng ủy khối Doanh nghiệp	Quét vôi, sửa hệ thống cửa, ốp tường, hệ thống điện, cấp nước	200
14	Ban Quản lý các KCN	Sửa chữa lớn nhà làm việc	100
15	Hội Văn học nghệ thuật		200
		<i>Sửa chữa sân, chống thấm nhà 2 tầng, kho lưu trữ và thay cánh cửa phòng làm việc</i>	
		<i>Thanh toán KLHT cải tạo, SC phòng làm việc, kho lưu trữ sách, công cơ quan, làm lán xe năm 2014</i>	



1	2	3	4
16	Hội Liên hiệp Phụ nữ	Ôp trần, bóc vữa sơn tường hội trường nhà 3 tầng và phòng làm việc của Lãnh đạo	150
17	Hội Nông dân tỉnh	Sơn lại tường mặt trước và mặt sau, hệ thống cửa nhà 4 tầng	150
18	Hội chữ thập đỏ	Cải tạo nhà VS và 1 phòng làm việc tầng 1, cải tạo sửa chữa HT cấp thoát nước nhà VS tầng 2, thay thế hệ thống cáp điện đầu nguồn từ cột và điểm đầu nối và sửa chữa hệ thống điện trong nhà, lát nền sân và sửa lại công bảo vệ, chuyển cửa phòng VS tầng 2 thành kho lưu trữ.	150
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>		<b>4.950</b>
1	Bệnh viện phong Văn Môn		350
		<i>Mua thiết bị : máy siêu âm, máy Laser</i>	
		<i>Sửa chữa nhà điều trị; phòng khám; lán để xe; cửa nhà văn hóa</i>	
		<i>Đường điện, cấp thoát nước</i>	
2	Bệnh viện Đa khoa Thái Ninh	Bảo trì, bảo dưỡng các HM công trình xây dựng xuống cấp và mối mọt	200
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Nâng cấp sân bê tông, sửa chữa buồng tiêm	200
4	Bệnh viện Phụ sản		450
		<i>Cải tạo khu nhà để tầng 2</i>	200
		<i>Cải tạo nhà mổ tầng 3</i>	250
5	Trung tâm Y tế dự phòng	Xây tường bao bảo vệ phía sau nhà và hệ thống thoát nước sân	150
6	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	Sơn tường nhà, cổng đậu, làm nhà xe, sửa nền nhà, sửa chữa một số phòng làm việc	150
7	Ban Quản lý DA nhà ở Sinh viên	Sửa chữa nhà 5 tầng	100
8	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật		150
		<i>Cải tạo phòng học chuyên ngành</i>	
		<i>Cải tạo khu vệ sinh ký túc xá</i>	
		<i>Cải tạo sân trường và công trình phụ trợ</i>	
9	Đoàn Cải lương	Sửa chữa nhà cửa	150
10	Bảo tàng tỉnh	Sửa chữa nhà cửa	100
11	Nhà hát chèo	Sửa chữa nhà cửa	150
12	Nhà triển lãm thông tin	Sửa chữa nhà cửa	100
13	Trường năng khiếu TDTT	Thanh toán tồn tại sửa chữa nhà ăn học sinh (chưa nộp Quyết toán)	50
14	Thư viện Khoa học tổng hợp	Thanh toán tồn tại sửa chữa năm 2014 (chưa nộp Quyết toán)	50
15	Trường Chính trị Thái Bình	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc giảng viên	300
16	Trung tâm Giáo dục LĐXH 05-06	Sửa chữa tường đậu	100
17	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Xây tường đậu, chống thấm và kính nhà 5 tầng, quét vôi nhà 4 tầng	150
18	Trung tâm Điều dưỡng người có công	Sửa chữa nhà 3 tầng và hệ thống sân đường nội bộ cơ quan	200
19	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội	Trát lại nhà dạy nghề 2 tầng và thay cách cửa	100
20	Trường TC nghề cho người khuyết tật	Sửa chữa hệ thống mái tôn 4 khu nhà 3 tầng	100

1	2	3	4
21	Trung tâm chăm sóc và PHCN cho người khuyết tật	Sửa chữa mái tôn và lát nền nhà cấp cứu	250
22	Trung tâm Khảo nghiệm khuyến nông khuyến ngư	Sửa nhà lười, khu vườn công nghệ phục vụ khảo nghiệm cây trồng và sửa chữa kho lạnh	150
23	Trường Trung cấp Nông nghiệp		200
		Làm mái tôn nhà hiệu bộ	
		Làm sân nhà hiệu bộ	
		Sửa sân giảng đường	
		Sửa ký túc xá	
24	Chi cục bảo vệ thực vật	Làm mái tôn chống dột, ốp trần và tường nhà làm việc đã bị ngấm	200
25	Chi cục dân số-KHHGD	Sửa chữa phòng làm việc lãnh đạo, sơn cửa, công dầu	150
26	Chi cục Thú y	Sửa chữa nhà làm việc trạm Hưng Hà	50
27	Chi cục An toàn VSTP	Sửa chữa hệ thống cấp nước, nền sân, lán xe	100
28	Hội Cựu chiến Binh	Xây dựng bể nước và hệ thống đường ống cấp nước	50
29	Hội Người mù	Sửa chữa 05 phòng học: trát lại tường, quét vôi ve	100
30	Ban Bảo vệ CSSK cán bộ tỉnh	Chống thấm mái nhà	100
31	Hội nạn nhân chất độc da cam - Dioxin	Sửa chữa nhà ăn tập thể	100
32	Trung tâm giám định Y khoa	Sửa chữa nhà để xe đạp, xe máy	100
33	Trường cao đẳng nghề	Sửa chữa nhà để xe CBGV và học sinh	100
<b>III</b>	<b>Đơn vị khác</b>		<b>330</b>
1	Câu lạc bộ Lê Quý Đôn	Sửa chữa nhà sinh hoạt 2 tầng và nhà tập đa năng	230
2	Hội Làm vườn	Lát cầu thang, vôi ve, trát trần, tường, ốp trần tường, cửa phòng làm việc, mở rộng gara	100
<b>B/</b>	<b>SỬA CHỮA XE Ô TÔ</b>		<b>1.850</b>
1	Hội Liên hiệp Phụ nữ	Xe ô tô biển KS số: 17B-0459	50
2	Hội cựu chiến binh	Xe ô tô biển KS số: KC -54.55	50
3	Hội Làm vườn	Xe ô tô biển KS số: 17B -0051	50
4	Liên minh HTX	Xe ô tô biển KS số: 17B-0492	50
		Xe ô tô biển KS số: 17B-0192	50
5	Văn phòng Tỉnh ủy	Xe ô tô biển KS số: 17B-1827	50
		Xe ô tô biển KS số: 17A-002.11	50
6	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Xe ô tô biển KS số: 17B-2188	50
7	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Xe ô tô biển KS số: 17B-1565	50
8	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	Xe ô tô biển KS số: 17B-1289	50
9	Ban Dân vận Tỉnh ủy	Xe ô tô biển KS số: 17B-1936	50
10	Hội Bảo trợ người khuyết tật	Xe ô tô biển KS số: 17B-0306	50
11	Ủy ban Mặt trận TQ	Xe ô tô biển KS số: 80 B 6499	50
12	Hội Khuyến học	Xe ô tô biển KS số: 17B 0059	50
13	Sở Tư pháp	Xe ô tô biển KS số: 17B 0555	50
14	Sở Thông tin và truyền thông	Xe biển KS 17B 1187	50
		Xe biển KS 17B 0504	50



1	2	3	4
15	Chi cục văn thư lưu trữ	Xe ô tô biển KS số: 17A-000.27	50
16	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Xe ô tô biển KS số: 17B-1377	50
17	Ban quản lý di tích	Xe ô tô biển KS số: 17B-000.25	50
18	Trung tâm phát hành phim	Xe ô tô biển KS số: 17B-0392	50
19	Bảo tàng tỉnh	Xe ô tô biển KS số: 17B-0198	50
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xe ô tô biển KS số: 17B-0229	50
21	Chi cục Bảo vệ thực vật	Xe ô tô biển KS số: 17A-002.18	50
22	Trường TC Nông nghiệp	Xe ô tô biển KS số: 17B - 0445	50
23	Chi cục phòng chống tệ nạn XH		50
24	Chi cục an toàn VSTP	Xe ô tô biển KS 17B 0375	50
25	Trung tâm kiểm nghiệm DPMP, TP	Xe ô tô biển KS: 31A 0901	50
26	Bệnh viện Phong da liễu Văn Môn	Xe ô tô biển KS: 17B 0165	50
27	Trường trung cấp nghề XD	Xe ô tô biển KS: 17B 0532	50
28	Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND	Xe ô tô biển KS 17B 0474	50
		Xe ô tô biển KS 17B1168	50
29	Ban Quản lý các KCN	Xe ô tô biển KS: 17B 0144	50
30	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xe ô tô biển KS số: 17B 0667	50
		Xe ô tô biển KS số: 80B 1854	50
		Xe ô tô biển KS số: 17B 1567	50
		Xe ô tô biển KS số: 17B 1738	50

K<sub>n</sub>

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Phụ lục: 01

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH  
BỐ TRÍ SẮP XẾP DÂN CƯ 2015**

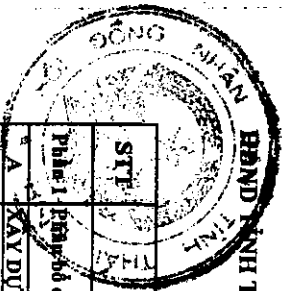
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục	Số tiền	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Kinh phí hỗ trợ di chuyển di dân	300	Chi cục Phát triển nông thôn	
2	Kinh phí khảo sát địa bàn	110	Chi cục Phát triển nông thôn	
3	Thanh toán Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng đặc biệt khó khăn xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy	220	Chi cục Phát triển nông thôn	
4	Nâng cấp tuyến đường khu dân cư từ công chợ thôn An Ký đến đầu làng An Ký Tây, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ.	430	Chi cục Phát triển nông thôn	
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng dân cư thôn Hồ Đội xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy. (giai đoạn 2).	1.940	Chi cục Phát triển nông thôn	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.000</b>		

*(Số tiền bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn).*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ NĂM 2015



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chương trình	Kinh phí	Đơn vị thực hiện
<b>Phần I</b>			
Phân bổ chi tiết các chương trình khuyến nông khuyến ngư			
<b>A</b>			
<b>XÂY DỰNG MÔ HÌNH</b>			
1	XÂY DỰNG MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG	3.040	
1	Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm một số giống lúa chất lượng thay thế Bắc thơm 7 (có bao tiêu sản phẩm)	1.900	Công ty CP Tổng cơ giống cây trồng Thái Bình
2	Xây dựng mô hình sản xuất lúa giống hàng hóa tại xã An Tràng - huyện Quỳnh Phụ góp phần phát triển sản xuất	100	Công ty CP Tổng cơ giống cây trồng Thái Bình
3	Xây dựng mô hình trồng chuối Tây Thái Lan theo hướng hàng hóa	100	Trường TC Nông nghiệp Thái Bình
4	Bảo tồn và phát triển cây hồ điệp Thái Bình	100	Trường TC Nông nghiệp Thái Bình
5	Mô hình chuyển đổi cơ cấu lúa mùa với công thức luân canh: " Lúa xuân - dưa lê hè - xu hào chịu nhiệt - cây màu đông "	200	Trường TC Nông nghiệp Thái Bình
6	Xây dựng mô hình chuyển vụ lúa xuân, sang trồng dưa chuột bao tử với công thức luân canh: dưa chuột bao tử - dưa gang - lúa mùa sớm - dưa chuột bao tử	100	Trường TC Nông nghiệp KNKN
7	Xây dựng mô hình chuyển vụ lúa xuân, lúa mùa sang nhân giống ngô lai với công thức luân canh: ngô giống - dưa gang - ngô giống - cây vụ đông	200	Trường TC Nông nghiệp KNKN
8	Xây dựng mô hình chuyển vụ lúa xuân, sang trồng ngô ngọt với công thức luân canh: ngô ngọt - dưa gang - lúa mùa - cây vụ đông	200	Trường TC Nông nghiệp KNKN
9	Triển khai mô hình nhân giống khoai tây nguyên chủng từ một cây mẹ xướng các xã có kho bảo quản khoai tây, tạo vùng nguyên liệu chế biến, góp phần giải quyết vấn đề giống cho khoai tây vụ đông của tỉnh	150	Trường TC Nông nghiệp KNKN
10	Xây dựng mô hình chuyển đổi đất lúa, màu kém hiệu quả (đất cao) sang trồng thanh long ruột đỏ, tăng giá trị kinh tế	100	Trường TC Nông nghiệp KNKN
11	Xây dựng mô hình trồng cà chua lai trên gốc cà tím vụ xuân và vụ đông cho hiệu quả kinh tế cao	50	Trường TC Nông nghiệp KNKN
12	Xây dựng mô hình trồng thâm canh chuối tiêu hồng bằng giống mới cây mẹ trong nông hộ	50	Hội làm vườn tỉnh Thái Bình
13	Xây dựng mô hình chuỗi sản xuất - tiêu thụ rau, quả an toàn	100	Chi cục QLCT nông lâm thủy sản
14	Xây dựng mô hình ủ thực ăn bằng phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp phục vụ chăn nuôi Trâu, Bò	50	Trường TC Nông nghiệp Thái Bình
15	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn nái F1 quy mô gia trại áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt	200	Trường TC Nông nghiệp KNKN
16	Xây dựng mô hình tự sản xuất cám trong chăn nuôi gà để trồng thương phẩm giống hảm lượng OMEGAS3-DHA	100	Chi cục Phát triển nông thôn
<b>II</b>			
<b>XÂY DỰNG MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ</b>			
1	Xây dựng mô hình thủy sản nuôi cá Song trong vùng chuyển đổi	1.140	
2	Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo hướng VietGAP	100	Trường TC Nông nghiệp KNKN
3	Xây dựng mô hình nuôi cá Vược tránh bão trong vùng nước lợ	50	Trường TC Nông nghiệp KNKN
4	Xây dựng mô hình chuỗi sản xuất - tiêu thụ cá an toàn sinh học	60	Trường TC Nông nghiệp KNKN
5	Xây dựng mô hình nuôi cá Nheo Mỹ thương phẩm trong ao đất và nuôi lồng	100	Chi cục QLCT nông lâm thủy sản
6	Xây dựng mô hình quản lý tàu cá và phục vụ công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn sử dụng máy thông tin liên lạc tầm xa VX1700	100	Trường TC Nông nghiệp Thái Bình
7	Xây dựng mô hình bảo quản sản phẩm trên tàu cá bằng vật liệu Polyurethane (PU)	100	Chi cục Khai thác và BVNL thủy sản
8	Xây dựng mô hình cải tiến lưới kéo đối cho tàu khai thác hải sản xa bờ có công suất trên 500CV	50	Chi cục Khai thác và BVNL TS
9	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm Chaech đồng trong ao đất	50	Chi cục Khai thác và BVNL TS
10	Mô hình nuôi cá lạng chám trong lồng trên sông	50	Hội nghề cá
11	Mô hình nuôi ngao thương phẩm bên vịnh	100	Chi cục Nuôi trồng thủy sản
12	Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng vụ hè thu	300	Chi cục Nuôi trồng thủy sản
		80	Doanh nghiệp tư nhân giống thủy sản Đông Minh

STT	Nội dung chương trình	Kinh phí	Đơn vị thực hiện
B	<b>TẬP HUẤN, TUYỂN TRUYỀN</b>	<b>1.500</b>	
1	Tập huấn Kỹ thuật sử dụng an toàn và hiệu quả, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ cho các loại máy nông nghiệp	100	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Thái Bình
2	Tập huấn về chuyển môn nghiệp vụ cho đội ngũ KNNV cơ sở phục vụ chủ trương tái cơ cấu ngành	150	Trung tâm Khảo nghiệm KNNK
3	Tập huấn Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản nước ngọt	50	Trung tâm giống thủy sản
4	Tập huấn Kỹ thuật nuôi ngao và thủy sản biển vùng, tuyển truyền văn bản pháp luật liên quan	150	Chi cục Nuôi trồng thủy sản
5	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý Hợp tác xã về hoạt động dịch vụ cung ứng và tiêu thụ sản phẩm tập trung thông qua Hợp tác xã nông nghiệp	150	Chi cục Phát triển nông thôn
6	Tập huấn Kỹ thuật sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ cho các loại máy nông nghiệp, Huấn luyện về các biện pháp đảm bảo an toàn trong sử dụng máy nông nghiệp.	100	Chi cục Phát triển nông thôn
7	Tập huấn pháp lệnh khai thác và bảo vệ CITT và áp dụng tiến bộ KHKT trong tưới tiêu cho cây rau màu hàng hóa	50	Chi cục Thủy lợi
8	Tập huấn mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ theo chuỗi cho đội ngũ tuyển truyền viên Hội phụ nữ các cấp.	50	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Bình
9	Tập huấn sử lý rơm rạ sau thu hoạch bằng chế phẩm sinh học	100	Trung tâm tư vấn ứng dụng, phát triển khoa học nông nghiệp và môi trường
10	Tập huấn SRI (cấp mạ non, cấy 1-2 dảnh) ứng phó vụ xuân ấm, hạn	200	Chi cục Bảo vệ thực vật
11	Tập huấn Kỹ thuật diệt chuột	100	Chi cục Bảo vệ thực vật
12	Tập huấn sâu bệnh trên ngô và rau màu phục vụ cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp	100	Chi cục Bảo vệ thực vật
13	Tập huấn tuyển truyền về công tác thú y thủy sản	100	Chi cục Thú y
14	Làm chương trình khoa giáo chuyên giao TBKT và phổ biến chủ trương của Ngành về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững và hiệu quả	100	Trung tâm Khảo nghiệm KNNK
C	<b>CHI KHÁC</b>	<b>260</b>	
1	Bày đèn theo dõi rầy nâu, rầy lưng trắng ở 8 huyện, TP	100	Chi cục Bảo vệ thực vật
2	Đánh dấu tàu cá hoạt động khai thác hải sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo Nghị định 33 của Chính phủ	70	Chi cục Khai thác và BVNL TS
3	Thả vào thủy vực tự nhiên một số loài thủy sản Trầm đen, Trôi Việt, cá Vược đã bị cạn kiệt nhân ngày truyền thông nghề cá Việt Nam (1/4).	30	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi TS
3	Quản lý, kiểm tra khu vực nông	60	Sở Nông nghiệp và PTNT
Phần 2	Xây dựng mô hình tái cơ cấu ngành nông nghiệp 2015	1.500	
Phần 3	Xây dựng mô hình chăn nuôi bò sữa 2015	1.350	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.650</b>	

(Bảng chữ : Bảy tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

15

## PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN KHUYẾN CÔNG, KHUYẾN THƯƠNG NĂM 2015

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Đơn vị thực hiện dự án	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu của dự án	Kinh phí
<b>VỐN KHUYẾN CÔNG</b>					
<b>A Các huyện, Thành phố</b>					
<b>I Huyện Thái Thụy</b>					
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong sản xuất may mũ giấy xuất khẩu	Công ty CP sản xuất và Thương mại tổng hợp Hưng Long Thịnh	xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong sản xuất may mũ giấy xuất khẩu	60
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất máy may công nghiệp	Công ty TNHH may Gia Nguyễn	xã Thụy Phúc, huyện Thái Thụy	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất máy may công nghiệp	60
<b>II Huyện Quỳnh Phụ</b>					
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dệt chiếu cói bằng máy	Cơ sở chiếu cói Nguyễn Mạnh Tường	Thôn Vũ Hạ, xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dệt chiếu cói bằng máy	60
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dệt chiếu cói bằng máy	Cơ sở chiếu cói Vũ Ngọc Vân	Thôn Vũ Hạ, xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dệt chiếu cói bằng máy	60
<b>III Huyện Tiên Hải</b>					
1	Đào tạo lao động sản xuất sứ thủy tinh	Công ty sứ Hải Giang	Khu Công nghiệp Tiên Hải	Đào tạo lao động nghề sứ thủy tinh	50
<b>IV Huyện Vũ Thư</b>					
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dây chuyền may xuất khẩu	Công ty TNHH may Hương Liên	Cụm CN xã Nguyễn Xá, huyện Vũ Thư	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dây chuyền may xuất khẩu	60
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dây chuyền sản xuất bánh kẹo	Công ty TNHH sản xuất XNK bánh kẹo Bảo Hưng	xã Minh Quang, huyện Vũ Thư	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dây chuyền sản xuất bánh kẹo	60
<b>V Huyện Kiến Xương</b>					
					125

SIT	Tên dự án	Đơn vị thực hiện dự án	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu của dự án	Kinh phí
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong nghề chạm bạc	Công ty TNHH Thiên Thanh	xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong nghề chạm bạc	40
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong nghề chạm bạc	Cơ sở Nguyễn Văn Phương	xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong nghề chạm bạc	40
3	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dệt lưới	Cơ sở Trần Văn Liết	xã Minh Tân, huyện Kiến Xương	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào trong dệt lưới	45
<b>VI</b>	<b>Huyện Hưng Hà</b>				<b>120</b>
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong dây chuyền may xuất khẩu	Công ty TNHH Yên Thịnh	xã Minh Hòa, huyện Tiên Hải	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong dây chuyền may xuất khẩu	60
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong dây chuyền may xuất khẩu	Công ty TNHH Châu Minh	xã Thái Phương, huyện Hưng Hà	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong dây chuyền may xuất khẩu	60
<b>VII</b>	<b>Thành phố Thái Bình</b>				<b>150</b>
1	Chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm nội thất máy nhựa	Công ty TNHH sản xuất TMDV X&T	Thôn Kim, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình	Chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm nội thất máy nhựa	60
2	Chuyển giao công nghệ sản xuất máy thổi chai, lọ nhựa	HTX thủy tinh Trà Vinh	Lô C, CCN Trần Lãm, phường Trần Lãm, tp Thái Bình	Chuyển giao công nghệ sản xuất máy thổi chai, lọ nhựa	30
3	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm cửa nhựa lõi thép, nhôm kệ kính cao cấp phục vụ xây dựng và nội thất	Công ty TNHH chế biến lâm sản Việt Hà Anh	Tổ 2, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm cửa nhựa lõi thép, nhôm kệ kính cao cấp phục vụ xây dựng và nội thất	60
<b>VIII</b>	<b>Huyện Đông Hưng</b>				<b>150</b>
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất gạch không nung cốt liệu cho năng suất, chất lượng, hiệu quả cao	Công ty CP Phú Mạnh Hưng	Cụm CN Đông La, huyện Đông Hưng	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất gạch không nung cốt liệu cho năng suất, chất lượng, hiệu quả cao	60
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất đồ nhựa gia dụng đáp ứng yêu cầu của thị trường	Công ty TNHH Thảo Vương	xã Phú Châu, huyện Đông Hưng	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất đồ nhựa gia dụng đáp ứng yêu cầu của thị trường	60

5A